

Số: 172 /BC-CNT

Hải Dương, ngày 30 tháng 6 năm 2025

## BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN Năm 2025

### I. THÔNG TIN CHUNG

**1. Tên trường:** Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương

**2. Địa chỉ trụ sở chính** và các địa chỉ hoạt động khác của trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của trường (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Trụ sở: Có 01 trụ sở; địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 02203.897.200

- Fax: 02203.897.207

- Email: [thpt-nguyentrai@haiduong.edu.vn](mailto:thpt-nguyentrai@haiduong.edu.vn)

- Website: [www.chuyennguyentrai.edu.vn](http://www.chuyennguyentrai.edu.vn)

**3. Loại hình của trường, cơ quan quản lý trực tiếp**

- Loại hình trường: Trường THPT chuyên

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường.**

- Sứ mệnh: Phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo học sinh năng khiếu trở thành những công dân ưu tú, có trình độ chuyên môn sâu và năng lực hội nhập quốc tế. Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục tiên tiến, kế thừa tinh hoa truyền thống hiếu học dân tộc đồng thời tiếp thu giá trị toàn cầu, trang bị cho học sinh hệ thống tri thức hiện đại, kỹ năng toàn diện và phẩm chất lãnh đạo. Thông qua đổi mới phương pháp dạy học, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, nhà trường khẳng định vị thế là trung tâm đào tạo nhân tài hàng đầu, góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới giáo dục và phát triển đất nước bền vững

- Tầm nhìn: Là trường học thông minh, có chất lượng giáo dục cao, có cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, có môi trường giáo dục an toàn, hạnh phúc để mỗi giáo viên và học sinh phát huy tối đa năng khiếu và tính sáng tạo của mình, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Nhà trường

không chỉ là nơi ươm mầm tài năng mà còn đóng vai trò trung tâm đổi mới giáo dục, lan tỏa tri thức và giá trị nhân văn, góp phần phát triển nền giáo dục Hải Dương và Việt Nam

- Mục tiêu:

+ Trở thành Trung tâm đào tạo nhân tài hàng đầu cả nước, ngang tầm các trường chuyên uy tín trong khu vực Đông Nam Á.

+ Có mô hình giáo dục xuất sắc, kết hợp hài hòa giữa bản sắc dân tộc và chuẩn mực quốc tế, tiên phong trong đổi mới sáng tạo.

+ Nơi ươm mầm thế hệ trẻ có trí tuệ, bản lĩnh và trách nhiệm, sẵn sàng dẫn dắt sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên số.

+ Trở thành đơn vị dẫn đầu trong đào tạo giáo viên chuyên và chia sẻ kinh nghiệm giáo dục với các trường trong tỉnh.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của trường.**

- Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương được thành lập ngày 28/12/1984 theo Quyết định số 327-QĐ/UB của UBND tỉnh Hải Hưng, trên cơ sở kế thừa mô hình lớp Toán đặc biệt thành lập từ năm 1964. Trường có tiền thân là Trường phổ thông Năng khiếu tỉnh Hải Hưng (1984), sau đó lần lượt được đổi tên thành Trường Năng khiếu Hải Dương (1997), Trường THPT Nguyễn Trãi (8/1997) và mang tên Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi từ tháng 6/2010 đến nay.

- Những năm đầu thành lập, trường hoạt động trong điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, đặt tại khuôn viên Trường THPT Hồng Quang cũ. Năm 1994, trường được chuyển về địa điểm tại số 4 đường Thanh Niên, thành phố Hải Dương, năm 2007, trường được chuyển về địa điểm mới tại đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương. Từ năm học 1997 - 1998 đến nay, trường phát triển mạnh mẽ về quy mô, chất lượng giáo dục và bồi dưỡng học sinh giỏi, trở thành một trong những đơn vị giáo dục tiêu biểu của tỉnh và của cả nước.

- Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2009; được kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2019 - 2024 (năm 2020), tiếp tục được công nhận các tiêu chuẩn này cho giai đoạn 2025 - 2030 (năm 2025). Từ khi thành lập trường đến nay, nhà trường luôn được công nhận là Tập thể Lao động xuất sắc, được UBND tỉnh, Bộ GDĐT, Thủ tướng Chính phủ tặng nhiều Bằng khen và Cờ thi đua, được Chủ tịch nước

tặng Huân chương Lao động hạng Ba năm 1994, hạng Nhì năm 2009, hạng Nhất năm 2015.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ**

- Họ và tên: Lê Văn Lục
- Chức vụ đảng: Bí thư Đảng ủy
- Chức vụ chính quyền: Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường.
- Địa chỉ, nơi làm việc: Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Số điện thoại: 0985.650.367
- Email: [levanluctm@gmail.com](mailto:levanluctm@gmail.com)

**7. Tổ chức bộ máy**

a) Trường được thành lập theo Quyết định số 327-QĐ/UB của UBND Tỉnh Hải Hưng.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 1313/QĐ-SGDĐT ngày 8/11/2019 của Sở GDĐT Hải Dương; kiện toàn năm 2023 theo Quyết định số 1357/QĐ-SGDĐT ngày 20/11/2023; kiện toàn, bổ sung thành viên theo Quyết định số 39/QĐ-SGDĐT ngày 14/01/2025

- Thành viên Hội đồng trường:

1. Ông Lê Văn Lục - Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh - Phó Bí thư Đảng bộ, Phó Hiệu trưởng
3. Ông Mạc Đăng Nghị - Đảng ủy viên - Phó Hiệu trưởng
4. Ông Bùi Hữu Hải - Đảng ủy viên - Phó Hiệu trưởng
5. Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch Công đoàn
6. Bà Lưu Thu Liên - Bí thư Đoàn trường
7. Ông Nguyễn Thế Sinh - Tổ trưởng tổ Toán
8. Bà Nguyễn Thị Hà - Tổ phó tổ Vật lý
9. Ông Phạm Công Quảng - Tổ trưởng tổ Hóa học
10. Bà Nguyễn Thị Nga - Tổ trưởng tổ Lịch sử - GDCD
11. Bà Nguyễn Thanh Lương - Tổ trưởng tổ Ngoại ngữ
12. Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung - Tổ trưởng tổ Văn phòng
13. Bà Đặng Thu Hà - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương

14. Bà Tiêu Thị Hòa - Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh

15. Em Nguyễn Khánh Linh - Đại diện học sinh

Trong đó:

- Ông Lê Văn Lục - Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường.

- Bà Nguyễn Thị Hà - Tổ phó tổ Vật lý giữ chức vụ Thư kí Hội đồng trường.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Hiệu trưởng: Lê Văn Lục, được bổ nhiệm theo Quyết định số 1428/QĐ-SGDĐT ngày 20/11/2024 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Hải Dương về việc luân chuyển và bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Các phó Hiệu trưởng:

+ Nguyễn Thị Hồng Thanh, được bổ nhiệm theo Quyết định số 278/QĐ-SGDĐT-TCCB ngày 27/4/2012, bổ nhiệm lại lần 1 theo Quyết định số 334/QĐ-SGDĐT ngày 20/4/2017, bổ nhiệm lại lần 2 theo Quyết định số 310/QĐ-SGDĐT ngày 29/4/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Hải Dương.

+ Mạc Đăng Nghị, được bổ nhiệm theo Quyết định số 984/QĐ-SGDĐT-TCCB ngày 27/12/2012, bổ nhiệm lại lần 1 theo Quyết định số 1582/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2017, bổ nhiệm lại lần 2 theo Quyết định số 1495/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Hải Dương.

+ Bùi Hữu Hải, được bổ nhiệm theo Quyết định số 1199/QĐ-SGDĐT ngày 23/9/2015, bổ nhiệm lại theo Quyết định số 1306/QĐ-SGDĐT ngày 30/9/2020 của Sở Giám đốc GD&ĐT tỉnh Hải Dương.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của trường;

- Quyết định số 168/QĐ-CNT ngày 22/9/2015 của Hiệu trưởng trường THPT chuyên Nguyễn Trãi về việc Ban hành Quy chế làm việc của trường THPT Nguyễn Trãi, áp dụng từ năm học 2015-2016; Quyết định số 123/QĐ-CNT ngày 1/8/2016 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của trường THPT chuyên Nguyễn Trãi.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Trường chuyên dành cho học sinh đạt kết quả tốt trong rèn luyện và học tập nhằm phát triển năng khiếu về một số môn học trên cơ sở bảo đảm giáo



dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

2. Trường chuyên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trường trung học theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và có thêm các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Tổ chức và thực hiện kế hoạch dạy học chương trình giáo dục nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

- Nghiên cứu vận dụng phù hợp, hiệu quả chương trình giáo dục và các phương pháp quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá tiên tiến; thúc đẩy triển khai giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học trong giáo dục phổ thông;

- Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, cơ cấu; giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực nghiên cứu khoa học; sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp, dạy học và nghiên cứu khoa học;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên;

- Phát triển hoạt động hợp tác với các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài để nâng cao chất lượng giáo dục;

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo quy định của pháp luật để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên;

- Tổ chức và quản lý các hoạt động nội trú của học sinh;

- Xây dựng, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc quản lý, giáo dục và đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của nhà trường;

- Tổ chức theo dõi quá trình học tập và làm việc của cựu học sinh;

- Trong mỗi năm học, chủ trì tổ chức ít nhất 01 (một) hội thảo chuyên đề về tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường với sự tham gia của các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông khác nhằm chia sẻ những giải pháp và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trường chuyên theo quy

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo trường:

1. Hiệu trưởng:

KH HẢI D.

- Họ và tên: Lê Văn Lục
  - Chức vụ đảng: Bí thư Đảng ủy
  - Chức vụ chính quyền: Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường.
  - Địa chỉ, nơi làm việc: Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
  - Số điện thoại: 0985.650.367
  - Email: [levanluctm@gmail.com](mailto:levanluctm@gmail.com)
2. Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Hồng Thanh
- Chức vụ đảng: Phó Bí thư Đảng ủy
  - Chức vụ chính quyền: Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn
  - Địa chỉ, nơi làm việc: Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
  - Số điện thoại: 02203 897 209
  - Email: [hongthanhstu@gmail.com](mailto:hongthanhstu@gmail.com)
3. Phó Hiệu trưởng: Mạc Đăng Nghị
- Chức vụ đảng: Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ 1
  - Chức vụ chính quyền: Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn
  - Địa chỉ, nơi làm việc: Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
  - Số điện thoại: 02203 897 208
  - Email: [nginhthd@gmail.com](mailto:nginhthd@gmail.com)
4. Phó Hiệu trưởng: Bùi Hữu Hải
- Chức vụ đảng: Đảng ủy viên
  - Chức vụ chính quyền: Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất
  - Địa chỉ, nơi làm việc: Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
  - Số điện thoại: 02203 897 207
  - Email: [buihaint@gmail.com](mailto:buihaint@gmail.com)
8. Các văn bản khác của trường:
- Quy chế dân chủ ở cơ sở: Được ban hành hằng năm sau Hội nghị Viên chức, người lao động;
  - Kế hoạch, nghị quyết Hội đồng trường;
  - Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;
  - Quy chế nâng lương trước thời hạn do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Quy tắc ứng xử của giáo viên và học sinh trong nhà trường;  
 - Kế hoạch công tác năm học, kế hoạch công tác tháng, công tác tuần;  
 - Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: Thực hiện theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP ngày 5/12/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 và Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

| STT | Nội dung                                       | Tổng số | Trình độ đào tạo |     |    |    |    |         | Hạng chức danh nghề nghiệp |         |        | Chuẩn nghề nghiệp 2024-2025 |     |     |          |
|-----|------------------------------------------------|---------|------------------|-----|----|----|----|---------|----------------------------|---------|--------|-----------------------------|-----|-----|----------|
|     |                                                |         | TS               | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng III                   | Hạng II | Hạng I | Tốt                         | Khá | Đạt | Chưa đạt |
|     | Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên | 120     | 2                | 66  | 46 | 1  |    | 5       | 44                         | 60      | 4      | 108                         |     |     |          |
| I   | Giáo viên, trong đó số giáo viên dạy môn:      | 104     | 2                | 62  | 40 |    |    |         | 44                         | 57      | 3      | 104                         |     |     |          |
| 1   | Toán                                           | 12      |                  | 7   | 5  |    |    |         | 7                          | 5       |        | 12                          |     |     |          |
| 2   | Vật lý                                         | 9       |                  | 5   | 4  |    |    |         | 2                          | 7       |        | 9                           |     |     |          |
| 3   | Hóa học                                        | 9       |                  | 6   | 3  |    |    |         | 4                          | 5       |        | 9                           |     |     |          |
| 4   | Sinh học                                       | 5       |                  | 5   | 0  |    |    |         | 1                          | 4       |        | 5                           |     |     |          |
| 5   | Công nghệ                                      | 4       |                  | 2   | 2  |    |    |         | 2                          | 2       |        | 4                           |     |     |          |
| 6   | Tin học                                        | 7       |                  | 7   |    |    |    |         | 4                          | 2       | 1      | 7                           |     |     |          |
| 7   | Ngữ văn                                        | 13      |                  | 10  | 3  |    |    |         | 3                          | 7       | 2      | 13                          |     |     |          |
| 8   | Lịch sử                                        | 7       | 1                | 5   | 1  |    |    |         | 2                          | 5       |        | 7                           |     |     |          |
| 9   | GDKTPL                                         | 3       |                  | 1   | 2  |    |    |         | 2                          | 1       |        | 3                           |     |     |          |
| 10  | Địa lý                                         | 8       |                  | 6   | 2  |    |    |         | 1                          | 7       |        | 8                           |     |     |          |
| 11  | GDTC-GDQP&AN                                   | 7       |                  | 2   | 5  |    |    |         | 3                          | 4       |        | 7                           |     |     |          |
| 12  | Tiếng Anh                                      | 13      |                  | 5   | 8  |    |    |         | 8                          | 5       |        | 13                          |     |     |          |
| 13  | Tiếng Nga                                      | 3       | 1                | 1   | 1  |    |    |         | 2                          | 1       |        | 3                           |     |     |          |
| 14  | Tiếng Pháp                                     | 4       |                  |     | 4  |    |    |         | 3                          | 1       |        | 4                           |     |     |          |

|            |                       |           |  |          |          |          |  |          |          |          |          |  |  |  |
|------------|-----------------------|-----------|--|----------|----------|----------|--|----------|----------|----------|----------|--|--|--|
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b> | <b>4</b>  |  | <b>4</b> |          |          |  | <b>0</b> | <b>3</b> | <b>1</b> | <b>4</b> |  |  |  |
| 1          | Hiệu trưởng           | 1         |  | 1        |          |          |  |          | 1        |          | 1        |  |  |  |
| 2          | Phó hiệu trưởng       | 3         |  | 3        |          |          |  | 0        | 2        | 1        | 3        |  |  |  |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>      | <b>12</b> |  |          | <b>6</b> | <b>1</b> |  | <b>5</b> |          |          |          |  |  |  |
| 1          | Nhân viên văn thư     | 1         |  |          | 1        |          |  |          |          |          |          |  |  |  |
| 2          | Nhân viên kế toán     | 1         |  |          | 1        |          |  |          |          |          |          |  |  |  |
| 3          | Thủ quỹ + Thiết bị    | 1         |  |          | 1        |          |  |          |          |          |          |  |  |  |
| 4          | Nhân viên y tế        | 1         |  |          |          | 1        |  |          |          |          |          |  |  |  |
| 5          | Nhân viên thư viện    | 2         |  |          | 2        |          |  |          |          |          |          |  |  |  |
| 6          | Bảo vệ                | 4         |  |          |          |          |  | 4        |          |          |          |  |  |  |
| 7          | Lái xe                | 1         |  |          |          |          |  | 1        |          |          |          |  |  |  |
| 8          | Giáo vụ               | 1         |  |          | 1        |          |  |          |          |          |          |  |  |  |

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:  $108/108 = 100\%$ .

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:  $108/108=100\%$ .

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích xây dựng trường  $31955m^2$  (tại đường Nguyễn Văn Linh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương): đã xây dựng 05 tòa nhà (gồm nhà lớp học 20 phòng, nhà lớp học 16 phòng, nhà học bộ môn và thư viện, nhà hiệu bộ và nhà đa năng).

- Diện tích xây dựng ký túc xá học sinh  $1613,3m^2$  (tại đường Bà Triệu, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương) đã xây dựng 02 tòa nhà 5 tầng, 44 phòng ở đáp ứng nhu cầu ở và sinh hoạt của 350 học sinh.

- Phòng học: 36 phòng (trung bình 01 lớp/ 01 phòng học) với diện tích  $54m^2$ /phòng học (trung bình  $1,68m^2$ /học sinh). Các phòng học được xây dựng kiên cố.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Khối phòng hành chính quản trị: 01 toàn nhà 4 tầng là nơi làm việc của lãnh đạo, văn phòng nhà trường, phòng các tổ bộ môn, phòng truyền thống, phòng họp HĐGD.

- Khối phòng học tập gồm 02 toàn nhà 4 tầng, 36 phòng học, các phòng chờ giáo viên, khu vệ sinh mỗi tầng.

- Khối phòng hỗ trợ học tập:

+ 01 tòa nhà 4 tầng gồm 12 phòng học bộ môn, các phòng chuẩn bị và thư viện.

+ Nhà Đa năng (diện tích xây dựng hơn 2000m<sup>2</sup>): tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt dưới cờ đầu tuần và học tập các môn GDTC, GDQP-AN và các hoạt động thể thao của giáo viên và học sinh.

+ Khuôn viên trường rộng có các khu sân chơi thể thao ngoài trời: bóng rổ, bóng chuyền, bóng đá, ... phục vụ các hoạt động thể thao của học sinh ngoài giờ học.

+ Hạ tầng kỹ thuật, khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt đáp ứng yêu cầu dạy học trong nhà trường.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Các phòng học đều có máy chiếu, máy tính, loa, điều hòa nhiệt độ phục vụ việc dạy học.

- Dụng cụ, hóa chất cho các thiết bị thực hành đủ đáp ứng yêu cầu các bài dạy thực hành của các thầy cô giáo. Các dụng cụ tranh ảnh, video được thực hiện bằng máy chiếu và loa tại lớp học.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đầu năm học, trên cơ sở lựa chọn môn học, lựa chọn sách giáo khoa của giáo viên và học sinh nhà trường. Ban Đại diện CMHS từng lớp đã ký hợp đồng với các công ty thiết bị giáo dục cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của nhà trường.

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Nhà trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2020. Sau khi được công nhận, Lãnh đạo nhà trường đã xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng từng nội dung trong các năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024.

### **Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng:**

- Năm học 2022-2023:

+ Ý thức tập thể của học sinh có sự tiến bộ rõ rệt. Số học sinh vi phạm nề nếp giảm nhiều so với năm học trước.

+ Tăng cường cơ sở vật chất nhà trường: Bổ sung thiết bị cho các phòng bộ môn, phòng thực hành; thư viện, phòng họp trực tuyến, phòng họp HĐGD, ...

- Năm học 2023-2024:

+ Bổ sung thiết bị cho các phòng bộ môn, phòng thực hành; thư viện; Sửa chữa khu vệ sinh các nhà lớp học B, C, D và sân nhà đa năng. Thay cửa tầng 1, tầng 2 nhà A và toàn bộ thiết bị vệ sinh nhà A.

+ Chất lượng giải quốc gia tăng lên so với năm học 2022-2023; điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT tăng.

+ Tăng cường mua thêm máy tính phục vụ cho kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

- Năm học 2024-2025:

+ Xây lại tường bao quanh trường;

+ Tổng sửa chữa nhà đa năng;

+ Thay cửa nhà B, C;

+ Mua sắm trang thiết bị dạy học; mua đài, máy vi tính và hóa chất phục vụ kỳ thi HQG quốc gia;

+ Trồng cây xanh, hoa tươi tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Nhà trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2009, được kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2019 - 2024 (năm 2020), tiếp tục được công nhận các tiêu chuẩn này cho giai đoạn 2025 - 2030 (năm 2025).

## **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

### **1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học**

a) Kế hoạch tuyển sinh của trường:

- Nhà trường tuyển sinh những học sinh có học lực khá và giỏi trong tất cả các huyện, thị xã và thành phố trong toàn tỉnh.

- Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền trước kì thi tuyển sinh, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các em học sinh ở huyện có điều kiện học tập tốt,

nhằm thu hút nhân tài từ các huyện lên dự thi vào trường, công tác quản sinh được chú trọng, tìm kiếm các nguồn học bổng cho học sinh nghèo, vượt khó học giỏi, miễn các khoản thu cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức thành công Hội nghị công tác tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026 với sự tham gia của Lãnh đạo Sở GDĐT, đại diện các phòng chức năng thuộc Sở GDĐT, các trường phòng GDĐT, Hiệu trưởng các trường THCS chất lượng cao và các tổ trưởng chuyên môn trường THPT chuyên Nguyễn Trãi

- Chỉ tiêu: 32 HS/lớp chuyên (Toán, Tin, Lý, Hóa, Sinh, Văn, Sử, Địa, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp), riêng Toán có 2 lớp chuyên.

- Phương thức tuyển sinh: Thí sinh phải làm bốn bài thi sau:

- + Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (*cùng đề và thời gian như thi vào trường THPT công lập*).

- + Bài thi môn chuyên (*theo đăng ký dự thi của thí sinh*), thí sinh được đăng ký tối đa 02 bài thi môn chuyên, không cùng buổi thi.

- + Các lớp chuyên Tiếng Anh, chuyên Tiếng Pháp, chuyên Tiếng Nga tuyển sinh bằng bài thi môn chuyên Tiếng Anh.

- + Lớp chuyên Tin học tuyển sinh 16 chỉ tiêu bằng bài thi môn chuyên Toán, 16 chỉ tiêu bằng bài thi môn Tin học.

- + Hệ số điểm bài thi: Bài thi môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh hệ số 1, bài thi môn chuyên hệ số 3.

- Hình thức bài thi:

- + Môn Toán, Ngữ văn: Hình thức tự luận, thời gian làm bài: 120 phút.
- Môn Tiếng Anh: Hình thức trắc nghiệm, thời gian làm bài: 90 phút.

- + Môn chuyên: Bài thi môn Tiếng Anh kết hợp tự luận và trắc nghiệm; bài thi môn Tin học lập trình trên máy tính, các bài còn lại thi tự luận. Thời gian 150 phút/bài thi.

- Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan: theo kế hoạch tuyển sinh của Sở GDĐT Hải Dương.

b) Kế hoạch giáo dục của trường

- Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục hằng năm trên cơ sở định hướng chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và đặc thù của trường chuyên, bảo đảm thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ: phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu và giáo dục toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW.

- Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được triển khai bài bản, đúng kế hoạch: tổ chức khai mạc ôn tập đội tuyển quốc gia; xây dựng lịch giảng dạy chi tiết cho từng đội tuyển; thời gian ôn tập kéo dài 90 ngày; thường xuyên kiểm tra, giám sát và mời chuyên gia, giao lưu với các trường bạn. Việc chi trả kinh phí được thực hiện đúng quy định của UBND tỉnh Hải Dương. Công tác thi đua, khen thưởng cũng được thực hiện kịp thời đối với học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi, cuộc thi KHKT, năng khiếu, thể thao, ...

- Về giáo dục đại trà, nhà trường tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất học sinh, tăng cường thực hành, trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong dạy học. Công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện nghiêm túc, theo đúng Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT, kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, giữa nhà trường – gia đình – xã hội, đáp ứng yêu cầu các kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh đại học.

- Nhà trường chỉ đạo 100% giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy đầy đủ, được tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và lãnh đạo kiểm tra định kỳ. Việc phân công chuyên môn được thực hiện dân chủ, khoa học, ưu tiên môn chuyên và khối 12. Các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt đều đặn, tích cực đổi mới phương pháp, xây dựng ngân hàng đề kiểm tra theo hướng phát triển năng lực.

- Trường tham gia Hội các trường chuyên vùng Duyên hải và Đồng bằng Bắc Bộ, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, dự thi học sinh giỏi khu vực và các hội thảo học thuật với 11 môn chuyên.

- Bên cạnh đó, nhà trường đẩy mạnh giáo dục toàn diện qua hoạt động CLB, nghiên cứu khoa học, kỹ năng sống, trải nghiệm sáng tạo, giáo dục giá trị sống, pháp luật, an toàn trường học, văn hóa học đường, giúp học sinh phát triển hài hòa trí tuệ – thể chất – tinh thần. Cán bộ quản lý và giáo viên được tập huấn đầy đủ các nội dung liên quan đến chương trình GDPT 2018, thực hiện nghiêm túc quy trình lựa chọn sách giáo khoa lớp 10, 11, 12 theo quy định.

- Toàn trường thực hiện nghiêm túc nền nếp dạy học, các quy định nội bộ, chú trọng phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội, hướng tới mục tiêu xây dựng nhà trường vững mạnh toàn diện, đào tạo thế hệ học sinh giỏi chuyên môn, vững kỹ năng, có đạo đức và bản lĩnh hội nhập

c) Quy chế phối hợp giữa trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

- Nhà trường duy trì phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh thông qua các cuộc họp định kỳ hằng năm: đầu năm học (triển khai kế hoạch giáo dục, tiếp thu góp ý), cuối học kỳ I (báo cáo kết quả học tập, rèn luyện và phương hướng kỳ II) và cuối năm học (tổng kết, lấy ý kiến phản hồi, bàn kế hoạch hè và các hoạt động ngoại khóa).

- Giáo viên chủ nhiệm chủ động sử dụng công nghệ thông tin trong trao đổi với phụ huynh như nhóm Zalo, Facebook lớp để đảm bảo cập nhật liên tục tình hình học tập, nề nếp, sức khỏe của học sinh. Nhà trường sử dụng sổ liên lạc điện tử để thông tin kết quả học tập và rèn luyện, giúp gia đình phối hợp hiệu quả với nhà trường trong công tác giáo dục.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở trường

- Nhằm tạo môi trường học tập năng động, toàn diện, nhà trường tổ chức 18 câu lạc bộ phù hợp với sở thích, năng khiếu và định hướng phát triển năng lực học sinh như: bóng đá, bóng rổ, cầu lông, võ thuật, âm nhạc, mỹ thuật, CNTT, STEM, truyền thông, tranh biện, ngoại ngữ, lịch sử – văn hóa, cờ vua, Olympia, sách và kỹ năng sống...

- Sau các buổi học chính khóa, học sinh được khuyến khích tham gia CLB, thể dục thể thao nhằm rèn luyện thể chất, thư giãn tinh thần. Nhân các dịp lễ lớn như 20/11, 26/3..., nhà trường tổ chức hội diễn văn nghệ, tạo sân chơi lành mạnh, giúp học sinh phát triển kỹ năng mềm và tinh thần tập thể.

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (thay đổi theo từng tuần)

| STT | Thứ 2          |                 | Thứ 3       |              | Thứ 4              |                    |
|-----|----------------|-----------------|-------------|--------------|--------------------|--------------------|
|     | Trưa           | Tối             | Trưa        | Tối          | Trưa               | Tối                |
| 1   | Thịt luộc      | Thịt thăn chiên | Chim quay   | Thịt viên    | Sườn xào chua ngọt | Thịt kho tàu       |
| 2   | Tôm rang       | Cá sốt          | Đậu sốt     | Chả cá       | Lạc kho            | Trứng rán          |
| 3   | Bí non xào     | Su hào xào      | Bắp cải xào | Bí xanh xào  | Củ quả luộc        | Su su xào          |
| 4   | Canh cải cá rô | Canh dưa giá    | Canh bí đỏ  | Canh cải cúc | Canh dưa sườn      | Canh ngao mùng toi |

|   |             |             |             |             |             |             |
|---|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 5 | Cơm trắng   | Cơm trắng   | Cơm trắng   | Cơm trắng   | Cơm trắng   | Cơm trắng   |
| 6 | Tráng miệng | Tráng miệng | Tráng miệng | Tráng miệng | Tráng miệng | Tráng miệng |

| STT | Thứ 5        |               | Thứ 6          |              | Thứ 7               |     |
|-----|--------------|---------------|----------------|--------------|---------------------|-----|
|     | Trưa         | Tối           | Trưa           | Tối          | Trưa                | Tối |
| 1   | Thịt rim mắm | Ngan om sấu   | Ức gà chiên bơ | Cá biển sốt  | Thịt rang cháy cạnh |     |
| 2   | Cá rán       | Xúc xích      | Thịt băm       | Chả lợn      | Trứng luộc          |     |
| 3   | Rau cải xào  | Giá xào       | Khoai tây xào  | Bắp cải luộc | Su hào xào          |     |
| 4   | Canh khoai   | Cà rốt củ cải | Canh cải       | Canh bí đỏ   | Canh ngao chua      |     |
| 5   | Cơm trắng    | Cơm trắng     | Cơm trắng      | Cơm trắng    | Cơm trắng           |     |
| 6   | Tráng miệng  | Tráng miệng   | Tráng miệng    | Tráng miệng  | Tráng miệng         |     |

## 2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025:

### 2.1. Kết quả tuyển sinh:

- Tổng số lớp học: Toàn trường có 36 lớp, chia làm 3 khối, mỗi khối có 12 lớp với 11 lớp chuyên (Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp) và 1 lớp công lập không chuyên (A1). Riêng khối 10 có 02 lớp chuyên Toán, không có lớp không chuyên.

- Toàn trường có 1148 học sinh: Khối 10: 382 học sinh; Khối 11: 396 học sinh; Khối 12: 370 học sinh.

- Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối:

Khối 10: 32 học sinh/lớp; Khối 11: 32 học sinh/lớp; Khối 12: 30 học sinh/lớp

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 0

- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ: Số học sinh nam: 526/1148; số học sinh nữ: 622/1148.

- Học sinh là người dân tộc thiểu số: 3

- Học sinh khuyết tật: 0

- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: 3

2.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

- Toàn trường có 1148/1148 học sinh xếp loại rèn luyện Tốt; Có 1146/1148 học sinh xếp loại học tập Tốt; 02/1148 học sinh xếp loại học tập Khá. Có 775/1148 học sinh đạt danh hiệu Học sinh Xuất sắc chiếm tỉ lệ 67,51%; 371/1148 học sinh đạt danh hiệu học sinh Giỏi chiếm tỉ lệ 32,32%; 2/1143 học sinh không đạt danh hiệu chiếm tỉ lệ 0,17%;

2.3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các trường nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông:

- 370/370 học sinh khối 12 năm học 2024-2025 đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp THPT năm học 2024-2025,

2.4. Kết quả các kỳ thi, cuộc thi khác:

#### 2.4.1. Về kết quả thi học sinh giỏi:

**a) Giải Quốc gia các môn văn hóa:** Có 97/110 học sinh dự thi đoạt giải (tỉ lệ 88,18%), trong đó có 1 giải Nhất, 18 giải Nhì, 52 giải Ba và 26 giải khuyến khích. Có 4 học sinh được dự thi vào vòng 2 (2 em đội Toán, 1 em đội Tin học, 1 em đội Hóa học), trong đó Em Vũ Việt Hà, học sinh lớp 12 Toán đạt Huy chương Vàng kỳ thi Toán quốc tế Turkmenistan, em Nguyễn Hải An, học sinh lớp 12 Tin được chọn vào đội tuyển dự thi Olympic khu vực Châu Á.

**b) Giải Tỉnh khối 11+12:** Có 216/274 học sinh đạt giải với 15 giải Nhất, 54 giải Nhì, 102 giải Ba, 45 giải Khuyến khích.

**c) Kỳ thi HSG Hội các trường THPT chuyên khu vực Duyên hải và Đồng bằng Bắc Bộ tổ chức tại Ninh Bình:** Đạt 64/66 giải với 7 giải Nhất, 14 giải Nhì, 25 giải Ba, 18 giải Khuyến khích.

**d) Kết quả cuộc thi KHKT các cấp:** Có 01 đề tài đạt giải Nhất; 01 đề tài đạt giải Nhì; 01 đề tài đạt giải Ba cấp Tỉnh; 01 đề tài đạt giải Nhì cấp quốc gia.

TH HẢI D.

**e) Kết quả cuộc thi IOE cấp quốc gia:** 49 học sinh đạt giải IOE cấp quốc gia, trong đó có 11 Huy chương Vàng, 18 Huy chương Bạc, 14 Huy chương Đồng, 6 giải Khuyến khích.

**g) Các kỳ thi khác:**

- Tham gia cuộc thi Olympic Toán HSSV và đạt 7 giải (5 Nhì, 1 Ba, 1 Khuyến khích);
- Cuộc thi Vimoni có 6 HS được tặng Giấy khen, trong đó có 1 HCV;
- Có 9/9 HS đạt giải Olympic Tin học Miền Trung – Tây Nguyên (1 HCV, 1 HCB, 2 HCD và 5 giải KK);
- 05 học sinh đạt giải kỳ thi Olympic Tin học Newton mở rộng, trong đó có 03 HCD, 02 KK;
- 50 HS đạt giải Olympic Hóa học do Hội Hóa học Việt Nam tổ chức tại Hà Nội với 12 HCV, 17 HCB, 15 HCD và 6 giải KK.
- Đạt giải Nhất toàn đoàn trong ngày Hội STEM cấp tỉnh với 5 giải STEM, 1 giải Nhất robotics.
- Tham gia kỳ thi Olympic KHTN năm 2025 đạt 56/60 giải, trong đó có 10 HCV, 24 HCB, 22 HCD.

3. Trường thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: Không

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

**1. Tình hình hoạt động các khoản thu, chi tài chính:**

**a) Các khoản thu bao gồm:** ngân sách nhà nước, học phí, thu quỹ vệ sinh và quỹ xe đạp:

- Nguồn ngân sách: 59.611.418.500 đồng
- Nguồn học phí: 704.250.000 đồng
- Quỹ xe đạp: 62.010.000 đồng
- Quỹ vệ sinh: 171.600.000 đồng

Tổng kinh phí năm 2025: 60.549.278.500 đồng

**b) Các khoản chi:** chi lương, các khoản đóng góp và các khoản thanh toán cho cán bộ giáo viên, chi mời giảng viên, chi công tác dạy và ôn thi Quốc gia, Quốc tế, chi học bổng, sinh hoạt phí, mua sắm trang thiết bị dạy học, duy tu sửa chữa bảo dưỡng và các hoạt động khác phục vụ cho việc dạy và học

**2. Các khoản thu bao gồm:** học phí, quỹ vệ sinh, quỹ trông xe đạp áp dụng cho năm học 2024 - 2025 với mức thu:



\* Học phí:

- Học sinh thuộc diện thành thị mức thu: 135.000 đ/tháng
- Học sinh diện nông thôn mức thu: 105.000 đ/tháng

\* Quỹ vệ sinh mức thu: 20.000 đ/tháng với tiêu chí thu đủ bù chi.

\* Quỹ xe đạp thực hiện nguyên tắc thu đủ bù chi.

- Mức 10.000 đ/tháng đối với xe đạp, xe máy điện
- Mức thu 20.000 đ/tháng đối với xe máy

\* Thu tiền sổ liên lạc điện tử mức thu: 10.000 đ/tháng

3. Nhà trường thực hiện đúng, đủ chế độ miễn giảm, hỗ trợ chi phí cho học sinh kịp thời và thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

4. Số dư các quỹ đến thời điểm ngày 25/06/2025 tại ngân hàng và kho bạc:

- Nguồn ngân sách: 29.929.236.608 đồng
- Nguồn học phí: 132.422.720 đồng
- Quỹ xe đạp: 18.255.000 đồng
- Quỹ vệ sinh: 28.494.200 đồng

5. Nội dung công khai tài chính thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **1. Công tác Đảng**

- Đảng ủy Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi duy trì nền nếp học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong sinh hoạt Đảng và toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các chuẩn mực đạo đức, lối sống, văn hóa công sở được xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp thực tiễn.

- Nhà trường tổ chức học tập đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy và Thành ủy; triển khai Quy định 37-QĐ/TW và nhận diện 27 biểu hiện suy thoái chính trị, đạo đức, lối sống. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và học sinh.

- Năm 2024, Đảng bộ không có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; 100% đảng viên xây dựng kế hoạch làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tổ chức thành công Đại hội các Chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027 và Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Trong năm có 25 đảng viên mới được kết nạp (gồm 20 học sinh), Đảng bộ được Thành ủy xếp loại “Hoàn

thành xuất sắc nhiệm vụ”, tặng Giấy khen; tập thể Đảng ủy được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

## 2. Công tác Đoàn Thanh niên

Đoàn trường được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy và Ban Giám hiệu. Các hoạt động Đoàn được triển khai sáng tạo, hiệu quả, thu hút đông đảo học sinh tham gia. Tiêu biểu như: cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia” (năm thứ 7 liên tiếp), chương trình “Chào tân học sinh”, Gala “Chào xuân mới”, ngoại khóa tuyên truyền pháp luật an toàn giao thông (phối hợp với Công an TP Hải Dương)... Các hoạt động được Thành đoàn, Tỉnh đoàn đánh giá cao.

## 3. Công tác Công đoàn

- Công đoàn trường phát huy tốt vai trò đại diện, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tham gia góp ý các chủ trương và hoạt động chung của nhà trường. Các hoạt động phong trào như: chào mừng các ngày lễ (8/3, 20/10...), giao lưu thể thao, phát động Tuần lễ Áo dài, du xuân, du lịch hè, hiến máu nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa... được tổ chức chu đáo, tạo không khí gắn bó, đoàn kết trong tập thể.

- Công đoàn cũng phối hợp với nhà trường xây dựng quy chế thi đua – khen thưởng minh bạch, công bằng; tham gia tích cực vào công tác thiện nguyện và phát triển các câu lạc bộ, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần trong đơn vị.

Trên đây là Báo cáo công khai thường niên năm 2025 của Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương. Nhà trường cam kết tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát huy vai trò là đơn vị trọng điểm trong công tác phát hiện, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

### Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Đăng website;
- Công khai toàn thể HDGD;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Lê Văn Lục**